

**TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 – 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 – 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 – 71

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam (sau đây được gọi là “Tổng Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Thành viên**

Ông Nguyễn Nguyên Hùng	Chủ tịch	
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên	
Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên	Bổ nhiệm từ tháng 4/2015
Ông Phan Lê Hoan	Thành viên	Thôi giữ chức từ tháng 4/2015
Ông Nguyễn Công Hoàn	Thành viên	Thôi giữ chức từ tháng 4/2015
Ông Đặng Tuấn Tú	Thành viên	Thôi giữ chức từ tháng 4/2015

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Mạnh Hùng	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Xuân Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Tất Bình	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đình Dương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Võ Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đào Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm tháng 4/2015
Ông Phạm Văn Hào	Phó Tổng Giám đốc	Chuyển công tác từ tháng 11/2015
Ông Cấn Vũ Lân	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu từ tháng 7/2015

Kế toán trưởng của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Vũ Tuấn San. Bà Huỳnh Thị Diệu – Phó trưởng Ban Tài chính kế toán được ủy quyền thay Kế toán trưởng ký Báo cáo tài chính kèm theo.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, ngoài sự kiện đã được thuyết minh tại Thuyết minh số 33.1, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm tài chính.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *luy*



---

**Lê Mạnh Hùng**

**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2016

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 31/03/2016, từ trang 06 đến trang 71 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 26 và 27 bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, thực hiện theo Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất, Công ty con của Tổng Công ty, đã hoàn nhập số dư các khoản dự phòng đã trích lập từ các năm trước với tổng số tiền là 379.133.199.636 VND và không xem xét trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi và giảm giá các khoản đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2014 theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Tại ngày 31/12/2015, Công ty đã thực hiện trích lập lại dự phòng đầu tư tài chính và các khoản nợ phải thu khó đòi mà Công ty đã thực hiện trích lập từ trước năm 2014 nhưng phải hoàn nhập lại trong năm 2014 do thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 127/2014/TT-BTC với số tiền lần lượt là 14.900.289.718 VND và 269.025.180.832 VND theo các quy định hiện hành.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 27 bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn, Công ty con của Tổng Công ty, áp dụng khoản 1, điều 10 Thông tư 127/2014/TT - BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính, Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty không thực hiện việc trích lập dự phòng khó đòi đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi. Tuy nhiên, trong năm 2015, Công ty thực hiện việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi của các năm trước với số tiền là 29.213.310.942 đồng.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.



**Đào Xuân Dũng**  
Chủ tịch Hội đồng Thành viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0284-2014-112-1  
Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA**  
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2016

**Hà Minh Long**  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2014-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31/12/2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>21.815.378.300.732</b>	<b>19.001.583.028.846</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.466.482.193.053	3.897.438.211.993
Tiền	111		4.207.482.193.053	3.531.634.386.864
Các khoản tương đương tiền	112		259.000.000.000	365.803.825.129
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.864.251.577.500	10.669.251.577.500
Chứng khoán kinh doanh	121	5a	28.851.577.500	28.851.577.500
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5b	12.835.400.000.000	10.640.400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.478.339.376.601	3.375.900.631.637
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.554.051.611.707	1.077.577.420.705
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	1.441.502.602.833	1.631.934.234.802
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	548.330.480.015	666.645.955.952
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(65.545.317.954)	(257.966.500)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	986.678
Hàng tồn kho	140	8	711.653.416.259	540.335.803.347
Hàng tồn kho	141		711.653.416.259	540.335.803.347
Tài sản ngắn hạn khác	150		294.651.737.319	518.656.804.369
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	36.432.030.600	13.333.690.741
Thuế GTGT được khấu trừ	152		160.457.773.343	481.282.531.584
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	97.761.933.376	24.040.582.044
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>23.036.327.432.825</b>	<b>24.770.618.412.752</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		179.312.342.416	442.194.291.147
Phải thu dài hạn khác	216	9	447.777.353.441	740.970.028.460
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(268.465.011.025)	(298.775.737.313)
Tài sản cố định	220		20.661.233.695.634	21.040.542.195.824
Tài sản cố định hữu hình	221	11	20.589.827.193.613	20.956.557.261.768
- Nguyên giá	222		37.173.063.774.268	34.322.135.820.487
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.583.236.580.655)	(13.365.578.558.719)
Tài sản cố định vô hình	227	12	71.406.502.021	83.984.934.056
- Nguyên giá	228		166.049.838.381	162.089.129.365
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(94.643.336.360)	(78.104.195.309)
Bất động sản đầu tư	230	14	32.243.749.055	37.782.417.455
- Nguyên giá	231		37.252.913.794	43.544.772.545
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.009.164.739)	(5.762.355.090)
Tài sản dở dang dài hạn	240	13	1.053.856.872.618	2.527.454.359.102
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.053.856.872.618	2.527.454.359.102
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5c	642.381.611.143	283.698.809.144
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		420.912.964.361	78.459.872.644
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		236.368.936.500	205.238.936.500
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(14.900.289.718)	-
Tài sản dài hạn khác	260		467.299.161.959	438.946.340.080
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	80.924.435.664	90.414.653.681
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	386.374.726.295	348.531.686.399
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>44.851.705.733.557</b>	<b>43.772.201.441.598</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>24.237.053.736.116</b>	<b>23.281.898.790.159</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>8.151.139.856.837</b>	<b>7.539.997.750.334</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	1.261.450.022.044	1.730.453.102.794
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		17.457.223.687	32.676.812.137
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	695.563.563.456	878.337.690.050
Phải trả người lao động	314		1.473.695.042.061	1.276.677.186.040
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	2.242.472.446.530	2.488.480.623.450
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		19.823.869.779	11.630.465.284
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	1.567.013.890.045	238.765.550.258
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	307.816.114.542	249.576.290.862
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.597.873.184	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		562.249.811.509	633.400.029.459
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>16.085.913.879.279</b>	<b>15.741.901.039.825</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	16	11.941.547.164	10.831.388.003
Phải trả dài hạn khác	337	20	30.602.441.029	28.003.081.096
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	13.118.821.693.739	12.268.066.570.726
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	2.924.548.197.347	3.435.000.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>20.614.651.997.441</b>	<b>20.490.302.651.439</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>20.614.014.669.941</b>	<b>20.489.665.323.939</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		17.093.269.312.227	16.274.430.190.554
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	48.450.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	212.615.997
Cổ phiếu quỹ	415		(15.543.216)	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		342.731.552.995	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(954.907.598)	(1.056.570.177)
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	1.236.142.821
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		587.575.433.242	481.681.714.394
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.806.960.155.796	2.904.152.830.046
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		1.747.275.330.620	1.748.276.488.632
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		59.684.825.176	1.155.876.341.414
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		784.448.666.495	828.959.950.304
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>637.327.500</b>	<b>637.327.500</b>
Nguồn kinh phí	431		637.327.500	637.327.500
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>44.851.705.733.557</b>	<b>43.772.201.441.598</b>



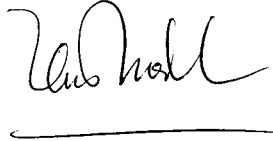
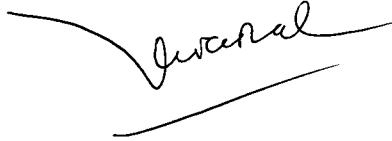
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



**Trần Thị Thùy Trang**

**Huỳnh Thị Diệu**

**Lê Mạnh Hùng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	13.267.508.169.208	10.583.813.150.090
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	94.748.820.678	29.102.147.966
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>23</b>	<b>13.172.759.348.530</b>	<b>10.554.711.002.124</b>
Giá vốn hàng bán	11	24	9.656.021.461.154	7.489.025.377.090
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>3.516.737.887.376</b>	<b>3.065.685.625.034</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	959.726.497.099	2.504.498.699.978
Chi phí tài chính	22	26	810.631.345.912	501.363.338.417
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		89.866.585.692	66.409.859.888
Lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		20.484.436.995	1.918.034.741
Chi phí bán hàng	25	27	428.367.727.111	416.368.207.172
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	1.203.303.426.997	1.296.312.510.699
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.054.646.321.450</b>	<b>3.358.058.303.465</b>
Thu nhập khác	31	28	260.432.716.203	127.234.496.924
Chi phí khác	32	29	37.653.173.646	77.784.738.971
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>222.779.542.557</b>	<b>49.449.757.953</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.277.425.864.007</b>	<b>3.407.508.061.418</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	562.268.029.818	809.919.893.666
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(37.942.851.949)	(36.230.059.233)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>1.753.100.686.138</b>	<b>2.633.818.226.985</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		40.870.203.855	1.644.623.539
Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty	62		1.712.230.482.283	2.632.173.603.446

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thùy Trang

Huỳnh Thị Diệu

Lê Mạnh Hùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>2.277.425.864.007</b>	<b>3.407.508.061.418</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.611.284.831.241	2.127.626.078.471
Các khoản dự phòng	03		322.276.914.884	(61.062.170.277)
Lãi/(Lãi) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		666.134.851.925	(1.451.164.079.041)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05		(1.082.485.780.338)	(975.035.978.050)
Chi phí lãi vay	06		89.866.585.692	66.409.859.888
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>5.884.503.267.411</b>	<b>3.114.281.772.409</b>
Giảm các khoản phải thu (Tăng) hàng tồn kho	09		332.649.968.861	2.271.929.400.450
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	10		(228.706.115.150)	(27.185.926.215)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	11		(1.407.815.606.815)	(1.305.489.614.654)
Tiền lãi vay đã trả	12		(15.030.394.504)	4.202.283.872
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(87.386.538.204)	(76.701.672.821)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (1)	15		(901.893.766.597)	(972.503.541.600)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (2)	16		1.350.119.527.501	47.761.787.577
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (2)	17		(713.086.121.432)	(365.678.329.528)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4.213.354.221.071</b>	<b>2.690.616.159.490</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.686.087.326.361)	(7.569.251.307.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		210.042.121.740	5.909.243.297
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12.807.400.000.000)	(9.441.900.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.612.400.000.000	8.728.880.693.666
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(149.930.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		51.727.800.000	671.968.893.589
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		955.264.242.684	948.405.593.671
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.813.983.161.937)</b>	<b>(6.655.986.882.777)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	321.939.231.747
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(28.000.000)	-
Tiền thu từ đi vay	33		1.174.474.977.101	5.961.326.516.911
Tiền trả nợ gốc vay	34		(643.875.660.162)	(666.501.173.147)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.363.755.494.034)	(280.607.453.975)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(833.184.177.095)</b>	<b>5.336.157.121.536</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>566.186.882.039</b>	<b>1.370.786.398.249</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>3.897.438.211.993</b>	<b>2.516.391.493.246</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.857.099.021	10.260.320.498
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>4.466.482.193.053</b>	<b>3.897.438.211.993</b>

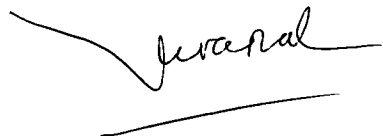
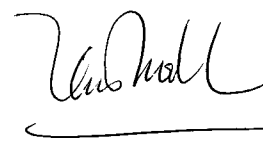
- (1) Thu khác từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính 2015 bao gồm tiền thu từ cổ phần hóa, lãi tiền gửi của Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp, tiền thu từ hỗ trợ ghi tăng các quỹ của doanh nghiệp...
- (2) Chi khác cho hoạt động kinh doanh trong năm tài chính 2015 bao gồm tiền chi phí cổ phần hóa, tiền chi từ quỹ khen thưởng, phúc lợi...

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Trần Thị Thùy Trang

Huỳnh Thị Diệu

Lê Mạnh Hùng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam (sau đây được gọi tắt là “Tổng Công ty”), được thành lập trên cơ sở hợp nhất các doanh nghiệp Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Bắc, Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Trung và Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Nam theo Quyết định số 238/QĐ-BGTVT ngày 08/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0311638525 ngày 22/03/2012 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 5 ngày 27/05/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 17.260.852.000.000 đồng.

Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM.**

Tên giao dịch Quốc tế: **AIRPORTS CORPORATION OF VIETNAM.**

Tên viết tắt: **ACV.**

Trụ sở chính: **Số 58 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.**

Tên chủ sở hữu: **Bộ Giao thông Vận tải.**

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Tổng Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ.

**1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

**Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:**

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Đầu tư, quản lý vốn đầu tư, trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các Cảng Hàng không sân bay; Đầu tư, khai thác kết cấu hạ tầng, trang bị, thiết bị Cảng Hàng không, sân bay; Cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không; Cung ứng các dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; Xuất nhập khẩu, mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị hàng không; Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch, các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; Cung ứng dịch vụ thương nghiệp, bán hàng miễn thuế; các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay; Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng), và xăng dầu tại các Cảng Hàng không, sân bay; các dịch vụ hàng không, dịch vụ công cộng khác tại Cảng Hàng không sân bay;
- Dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa, kho hàng hóa; giao nhận hàng hóa; nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ;
- Xây dựng, tư vấn xây dựng, sửa chữa, bảo trì, lắp đặt các công trình xây dựng, các trang thiết bị, điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng.../.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Tổng Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là 12 tháng.

**1.5 NHỮNG SỰ KIỆN ẢNH HƯỞNG QUAN TRỌNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG NĂM BÁO CÁO**

Ngày 10/12/2015, tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Bộ Giao thông Vận tải (GTVT), Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV) và Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh đã tổ chức bán đấu giá cổ phiếu ACV lần đầu ra công chúng (IPO) với hơn 77,8 triệu cổ phần (chiếm 3,47% vốn điều lệ theo Phương án Cổ phần hóa đã được phê duyệt). Kết quả bán đấu giá số lượng cổ phần đã được bán gần hết (còn lại 125.500 cổ phần) với giá đấu giá bình quân 14.344 đồng/cổ phần cho 128 nhà đầu tư cá nhân và 19 nhà đầu tư tổ chức.

**1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

**Các Công ty con được hợp nhất bao gồm:**

**1. Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất**

- Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, phường 2, quận Tân Bình, Tp. HCM;
- Ngành nghề kinh doanh chính: dịch vụ thương mại mặt đất tại sân bay;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%;
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.

**2. Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn**

- Địa chỉ: Số 58 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, Tp. HCM;
- Ngành nghề kinh doanh chính: dịch vụ phục vụ mặt đất tại sân bay;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 55,51%;
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 55,51%.

**3. Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài**

- Địa chỉ: Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Ngành nghề kinh doanh chính: cung cấp Nhiên liệu Hàng không;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 60%;
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 60%.

**Các Công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu bao gồm:**

**1. Công ty TNHH Dịch vụ Bảo dưỡng Máy bay Cảng Hàng không Miền Nam**

- Địa chỉ: Phòng 401, tòa nhà SCSC, 30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, Hồ Chí Minh;
- Ngành nghề kinh doanh: bảo dưỡng và sửa chữa máy bay;
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%;
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 50%.